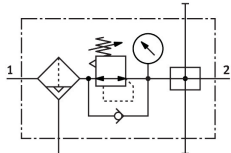


Thiết bị khí đầu vào LFR-1/2-D-MAXI-KA-A

Số bộ phận: 186040



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	Maxi
Dòng	D
bảo vệ hành động	Núm xoay có khóa
Vị trí lắp đặt	dọc +/- 5°
Độ mịn bộ lọc	40 µm
Cổng xả nước ngưng tụ	hoàn toàn tự động
Cấu trúc xây dựng	Mô-đun rẽ nhánh Bộ điều chỉnh bộ lọc với áp kế
Lượng nước ngưng tụ tối đa	80 cm³
Bảo vệ vỏ	Giỏ bảo vệ kim loại
Bộ hiển thị áp suất	với áp kế
Áp suất vận hành	0.2 MPA...1.2 MPA 2 bar...12 bar 29 psi...174 psi
Phạm vi điều chỉnh áp suất	0.05 MPA...1.2 MPA 0.5 bar...12 bar 7.25 psi...174 psi
Độ trễ áp suất tối đa	0.02 MPA 0.2 bar 2.9 psi
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	9200 l/ph
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:-:-] Khí trơ
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Cấp độ sạch không khí tại đầu ra	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:8:4] Khí trơ
Nhiệt độ trung bình	-10 °C...60 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
trọng lượng sản phẩm	2400 g
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây với phụ kiện tùy ý:
Cổng nối khí nén 1	G1/2

Đặc tính	Giá trị
Cổng nối khí nén 2	G1/2
Vật liệu vỏ	Kém đúc áp lực PC